TỪ THUẾ KHOÁN ĐẾN KÊ KHAI: CƠ HỘI NÂNG CAO TÍNH MINH BẠCH VÀ HIỆU QUẢ QUẢN LÝ CỦA HỘ KINH DOANH Ở VIỆT NAM

PGS.TS. Mai Ngọc Anh* - Nguyễn Minh Trí - Phan Ngọc Huyền** - Hoàng Kim Khánh****

Chuyển từ thuế khoán sang thuế kế khai không chỉ là thay đổi phương thức nộp thuế mà còn là sự chuyển đổi về bản chất quản lý thông tin của hộ kinh doanh (HKD). Bài viết chỉ ra rằng cơ chế thuế khoán, dù phù hợp trong giai đoạn trước, làm giảm động lực ghi nhận và minh bạch hóa thông tin, từ đó hạn chế hiệu quả quản trị. Ngược lại, cơ chế kê khai, thông qua yêu cầu hóa đơn và chứng từ, buộc HKD ghi nhận đầy đủ doanh thu, chi phí và dòng tiền, góp phần hình thành hệ thống thông tin phục vụ quản lý. Nghiên cứu khẳng định minh bạch thông tin là yếu tố trung gian quan trọng giúp nâng cao khả năng kiểm soát và hiệu quả hoạt động. Tuy nhiên, hiệu quả chuyển đổi phụ thuộc vào mức độ phù hợp của chính sách, chi phí tuân thủ và năng lực thực hiện của HKD. Trên cơ sở đó, bài viết đề xuất các giải pháp và lộ trình nhằm hỗ trợ quá trình chuyển đổi theo hướng bền vững.

• Từ khóa: *thuế khoán; thuế kê khai; hộ kinh doanh; minh bạch thông tin; hiệu quả hoạt động.*

The transition from presumptive taxation to declaration-based taxation represents not merely a change in tax payment methodology, but also a fundamental transformation in the information management practices of household businesses. This paper argues that the presumptive tax regime, while appropriate in earlier periods, reduces incentives for recording and enhancing the transparency of business information, thereby limiting managerial effectiveness. In contrast, the declaration-based tax regime, through its requirements for invoices and supporting documentation, compels household businesses to comprehensively record revenues, expenses, and cash flows, thereby contributing to the establishment of an information system that supports business management. The study confirms that information transparency serves as a critical intermediary factor in improving control capacity and operational efficiency. Nevertheless, the effectiveness of this transition depends on the appropriateness of tax policies, compliance costs, and the implementation capabilities of household businesses. On this basis, the paper proposes policy recommendations and a transition roadmap to support a sustainable transformation process.

• Key words: *presumptive taxation; declaration-based taxation; household businesses; information transparency; operational efficiency.*

Ngày nhận bài: 31/3/2026
Ngày gửi phản biện: 23/4/2026
Ngày duyệt đăng: 28/5/2026
DOI: https://doi.org/10.71374/jfarv.v26.i314.44

1. Giới thiệu

Hộ kinh doanh là một cấu phần quan trọng của khu vực kinh tế tư nhân tại Việt Nam, đóng góp đáng kể vào tạo việc làm và lưu thông hàng hóa, dịch vụ. Tuy nhiên, đặc trưng phổ biến của khu vực này là quy mô nhỏ, mô hình quản trị đơn giản, giao dịch tiền mặt chiếm ưu thế và hệ thống ghi chép kế toán chưa đầy đủ. Những đặc điểm này dẫn đến một thực tế được nhiều nghiên cứu quốc tế ghi nhận: khu vực kinh doanh nhỏ thường gắn với mức độ minh bạch thông tin tài chính thấp, qua đó làm hạn chế khả năng kiểm soát hoạt động, đánh giá hiệu quả kinh doanh và tiếp cận các nguồn lực tài chính chính thức (Slemrod, 2007; Alm, 2019).

Về bản chất, thuế khoán xác định nghĩa vụ thuế dựa trên doanh thu ước tính, qua đó giảm chi phí tuân thủ cho hộ kinh doanh. World Bank, OECD và Joshi, Prichard và Heady (2014) đều cho rằng đây là cơ chế phù hợp trong giai đoạn đầu phát triển của khu vực kinh doanh nhỏ. Tuy nhiên, Keen (2012) chỉ ra rằng việc không gắn nghĩa vụ thuế với giao dịch thực tế làm suy giảm động lực ghi nhận doanh thu và chi phí, từ đó hạn chế tính minh bạch. Dưới góc độ kế toán, điều này cản trở sự hình thành hệ thống thông tin tài chính có cấu trúc, vốn là nền tảng của các quyết định kinh tế hợp lý (Nobes, 2018).

Ở Việt Nam, thuế khoán đã góp phần đơn giản hóa nghĩa vụ thuế cho hộ kinh doanh nhưng ngày càng bộc lộ hạn chế về công bằng và minh bạch. Trong bối cảnh chuyển đổi số, việc chuyển sang

** Học viện Tài chính; email: maingocanh@hvtc.edu.vn*
*** Lớp 62.22.01.QT - trigvo@gmail.com; 62.21.02 QT- hp27291@gmail.com; 62.22.01.QT- babikhanh.97.pt@gmail.com - Học viện Tài chính*

thuế kê khai phản ánh xu hướng gắn nghĩa vụ thuế với doanh thu và chi phí thực tế. Theo quỹ tiền tệ quốc tế và OECD, cơ chế tự khai, tự nộp không chỉ nâng cao hiệu quả quản lý thuế mà còn thúc đẩy hình thành hệ thống thông tin kinh tế ở cấp độ vi mô. Slemrod (2007) cho rằng hệ thống thuế có vai trò định hình hành vi ghi nhận và sử dụng thông tin kinh tế. Khi doanh thu và chi phí được ghi nhận đầy đủ, hộ kinh doanh có cơ sở đánh giá hiệu quả hoạt động và ra quyết định tốt hơn. Tuy nhiên, quá trình chuyển đổi vẫn gặp trở ngại từ năng lực kế toán hạn chế, chi phí tuân thủ và tâm lý e ngại minh bạch thông tin.

2. Tổng quan các công trình nghiên cứu

Các nghiên cứu về thuế đối với khu vực kinh doanh nhỏ cho thấy việc lựa chọn giữa thuế khoán và TKK phản ánh sự đánh đổi giữa chi phí tuân thủ và mức độ minh bạch thông tin. Theo OECD, các chế độ thuế khoán thường được thiết kế cho doanh nghiệp siêu nhỏ trong bối cảnh thu nhập chịu thuế thực tế khó xác định, nhằm giảm chi phí tuân thủ và khuyến khích chính thức hóa. Quan điểm này tương đồng với Joshi, Prichard và Heady (2014) khi cho rằng đánh thuế khu vực phi chính thức cần gắn với mục tiêu phát triển rộng hơn. Tuy nhiên, nhiều nghiên cứu nhấn mạnh rằng thuế khoán chỉ phù hợp như một công cụ chuyển tiếp. Keen và Mintz (2004) cho rằng thiết kế nghĩa vụ thuế đối với khu vực kinh doanh nhỏ cần cân nhắc giữa số thu và chi phí tuân thủ. OECD cũng chỉ ra rằng khi nghĩa vụ thuế không dựa trên dữ liệu thực tế, HKD không có động lực ghi chép đầy đủ giao dịch, từ đó làm hạn chế minh bạch thông tin và hiệu quả hoạt động.

Ngược lại, cơ chế kê khai được xem là nền tảng của hệ thống thuế hiện đại. Khi HKD phải kê khai doanh thu, sử dụng hóa đơn và lưu trữ chứng từ, việc tuân thủ thuế đồng thời trở thành quá trình tạo lập thông tin kinh tế. Theo Slemrod (2007), chính cơ chế này làm thay đổi cách chủ thể kinh doanh nhìn nhận hoạt động của mình, qua đó cải thiện chất lượng quyết định. Trong bối cảnh chuyển đổi số, OECD (2021) nhấn mạnh rằng các công cụ như hóa đơn điện tử giúp giảm chi phí tuân thủ và nâng cao độ chính xác của dữ liệu. Tại Việt Nam, Nghị quyết 198/2025/QH15 và Quyết định 3389/QĐ-BTC đã xác lập rõ định hướng chuyển đổi này.

3. Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu sử dụng phương pháp định tính dựa trên việc tổng hợp và phân tích các văn bản pháp luật, tài liệu hướng dẫn của cơ quan quản lý cùng các nghiên cứu trong và ngoài nước về thuế đối với HKD. Thông qua phương pháp phân tích nội dung, nghiên cứu làm rõ sự khác biệt giữa cơ chế thuế khoán và thuế kê khai, đồng thời đánh giá tác động của việc chuyển đổi sang kê khai đối với tính minh bạch thông tin và hiệu quả hoạt động của hộ kinh doanh. Trên cơ sở đó, nghiên cứu phân tích mối quan hệ giữa phương pháp tính thuế, hành vi tuân thủ, mức độ minh bạch và hiệu quả kinh doanh, làm cơ sở đề xuất các khuyến nghị chính sách phù hợp.

4. Thực trạng và chuyển đổi chính sách thuế đối với HKD tại Việt Nam

4.1. Chính sách thuế HKD giai đoạn trước năm 2025

Trước năm 2025, mặc dù hệ thống quản lý thuế của Việt Nam từng bước chuyển sang cơ chế tự khai, tự tính và tự nộp, nhưng đối với hộ kinh doanh (HKD), thuế khoán vẫn là phương thức quản lý chủ đạo. Luật Quản lý thuế năm 2019 cho phép áp dụng cơ chế ấn định thuế đối với các trường hợp không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ kê khai. Trên cơ sở đó, Nghị định 126/2020/NĐ-CP và Thông tư 40/2021/TT-BTC quy định ba phương pháp tính thuế đối với HKD gồm kê khai, theo từng lần phát sinh và khoán thuế, trong đó phương pháp khoán được áp dụng phổ biến đối với các hộ không thực hiện đầy đủ chế độ kế toán, hóa đơn và chứng từ.

Việc duy trì cơ chế thuế khoán phản ánh cách tiếp cận ưu tiên tính khả thi trong điều kiện phần lớn HKD có quy mô nhỏ và năng lực quản lý còn hạn chế. Theo Lê Xuân Trường (2021), thuế khoán phù hợp khi nhiều HKD chưa có khả năng tổ chức ghi chép đầy đủ. Tương tự, Nguyễn Thị Liên (2019) cho rằng cơ chế này góp phần giảm chi phí tuân thủ và mở rộng phạm vi quản lý đối với khu vực kinh doanh nhỏ, phi chính thức. Tuy nhiên, cơ chế thuế khoán cũng bộc lộ nhiều hạn chế.

Thứ nhất, nghĩa vụ thuế được xác định trên cơ sở doanh thu ước tính thay vì doanh thu và chi phí thực tế, làm cho số thuế phải nộp không phản ánh đầy đủ kết quả hoạt động kinh doanh. Điều này làm giảm động lực ghi nhận và theo dõi thông tin tài chính của HKD.

Thứ hai, việc không yêu cầu bắt buộc lập và lưu trữ hóa đơn, chứng từ trong phần lớn trường hợp áp dụng thuế khoán khiến nhiều HKD không hình thành được hệ thống thông tin kinh doanh đầy đủ, minh bạch.

Thứ ba, việc xác định doanh thu khoán dựa trên khảo sát và ước lượng có thể dẫn đến sự khác

biệt về nghĩa vụ thuế giữa các HKD có quy mô tương tự. Theo Phạm Thị Hồng Điệp (2021), tính chất ước lượng của doanh thu khoán gây khó khăn trong việc bảo đảm tính nhất quán và công bằng trong quản lý thuế.

Nhìn chung, chính sách thuế khoán đã góp phần mở rộng diện quản lý với chi phí tuân thủ thấp, nhưng đồng thời duy trì tình trạng thiếu minh bạch thông tin. Trong bối cảnh chuyển đổi số và phổ cập hóa đơn điện tử, việc chuyển sang cơ chế kê khai trở thành yêu cầu tất yếu nhằm thúc đẩy quản lý dựa trên dữ liệu, nâng cao tính minh bạch và hiệu quả hoạt động của HKD.

4.2. Chuyển đổi từ thuế khoán sang TKK: cơ hội nâng cao tính minh bạch và hiệu quả hoạt động của HKD

Trên nền tảng những hạn chế của cơ chế thuế khoán, chính sách thuế đối với hộ kinh doanh (HKD) tại Việt Nam đang chuyển sang giai đoạn mới với trọng tâm là kê khai, tự xác định và tự nộp thuế trên cơ sở dữ liệu giao dịch thực tế. Nghị quyết 198/2025/QH15 quy định từ ngày 01/01/2026 HKD, cá nhân kinh doanh không áp dụng phương pháp khoán thuế. Tiếp đó, Quyết định 3389/QĐ-BTC năm 2025 phê duyệt Đề án chuyển đổi mô hình và phương pháp quản lý thuế đối với HKD giai đoạn 2025-2030.

Về bản chất, đây không chỉ là sự thay đổi phương pháp tính thuế mà còn là sự thay đổi trong cách thức vận hành hoạt động kinh doanh. Nếu thuế khoán dựa trên doanh thu ước tính, thì thuế kê khai gắn nghĩa vụ thuế với doanh thu, hóa đơn, chứng từ và hồ sơ giao dịch thực tế. Điều này đòi hỏi HKD phải từng bước ghi nhận, lưu trữ và chứng minh các giao dịch kinh tế phát sinh. Cách tiếp cận này phù hợp với xu hướng quốc tế. Joshi, Prichard và Heady (2014) cho rằng việc đánh thuế khu vực phi chính thức cần được xem xét trong mối liên hệ với các mục tiêu phát triển rộng hơn như chính thức hóa hoạt động kinh doanh, nâng cao năng lực thể chế và cải thiện hành vi tuân thủ. Đối với Việt Nam, ý nghĩa của thuế kê khai không chỉ là nâng cao hiệu quả quản lý thuế mà còn thúc đẩy HKD chuyển từ mô hình kinh doanh thiếu chứng từ sang mô hình kinh doanh dựa trên thông tin và dữ liệu.

Việc thực hiện kê khai đòi hỏi HKD lập hóa đơn, lưu giữ chứng từ, theo dõi doanh thu, chi phí và dòng tiền. Mặc dù làm gia tăng chi phí tuân thủ trong ngắn hạn, nhưng về dài hạn lại giúp hình thành "kỷ luật thông tin", tạo cơ sở xác định chính xác doanh thu, chi phí và lợi nhuận. Thông tin minh bạch không chỉ giúp giảm rủi ro về thuế mà còn hỗ trợ kiểm soát hoạt động, đánh giá hiệu quả kinh doanh và nâng cao khả năng tiếp cận tín dụng hoặc mở rộng quy mô.

Tuy nhiên, những lợi ích này không tự động đạt được. Keen và Mintz (2004) nhấn mạnh rằng chính sách thuế đối với khu vực kinh doanh nhỏ cần cân bằng giữa yêu cầu quản lý và chi phí tuân thủ. Do đó, thành công của quá trình chuyển đổi không chỉ phụ thuộc vào việc xóa bỏ thuế khoán mà còn ở khả năng hỗ trợ HKD hình thành năng lực ghi nhận, quản lý và sử dụng thông tin trong kinh doanh; thúc đẩy tính minh bạch và hiệu quả hoạt động của HKD.

4.3. Cơ hội và thách thức của chuyển đổi từ thuế khoán sang kê khai đối với minh bạch và hiệu quả quản lý của HKD

Chuyển đổi từ thuế khoán sang kê khai không chỉ là thay đổi phương pháp thực hiện nghĩa vụ thuế mà còn là sự chuyển dịch từ mô hình kinh doanh dựa trên kinh nghiệm sang mô hình quản lý dựa trên thông tin. Đối với HKD, cơ hội lớn nhất của cơ chế kê khai là thúc đẩy hình thành hệ thống thông tin phục vụ quản lý hoạt động. Việc lập hóa đơn, lưu giữ chứng từ và kê khai doanh thu giúp HKD nhận diện rõ hơn doanh thu, chi phí, dòng tiền và kết quả kinh doanh. Từ đó HKD kiểm soát chi phí, đánh giá hiệu quả hoạt động và ra quyết định kinh doanh chính xác hơn. Khi đó, tính minh bạch không chỉ phục vụ quản lý thuế mà còn trở thành năng lực quản trị của chính HKD. Điều này phù hợp với lập luận của Slemrod (2007) và Alm (2019) khi cho rằng hệ thống thuế có vai trò định hình hành vi kinh tế thông qua việc tác động đến cách các chủ thể ghi nhận và sử dụng thông tin.

Tuy nhiên, cơ hội này đi kèm nhiều thách thức. Nhiều HKD vẫn quen với phương thức quản lý đơn giản, giao dịch tiền mặt và thiếu kỹ năng ghi chép, lưu trữ dữ liệu. Việc lập hóa đơn, lưu chứng từ và kê khai định kỳ có thể làm gia tăng chi phí tuân thủ, đặc biệt đối với các hộ quy mô nhỏ. Keen và Mintz (2004) cho rằng thiết kế nghĩa vụ thuế đối với khu vực kinh doanh nhỏ cần cân bằng giữa lợi ích quản lý và chi phí tuân thủ; nếu yêu cầu vượt quá năng lực thực hiện, chính sách có thể làm giảm động lực tuân thủ.

Do đó, chuyển đổi sang kê khai mở ra cơ hội nâng cao tính minh bạch và hiệu quả quản lý của HKD, nhưng hiệu quả chỉ đạt được khi đi kèm lộ

trình phù hợp, công cụ công nghệ đơn giản, hướng dẫn thực hành rõ ràng và chi phí tuân thủ hợp lý. Khi đó, kê khai không chỉ là nghĩa vụ thuế mà còn trở thành công cụ quản trị giúp HKD phát triển bền vững hơn.

5. Giải pháp và lộ trình thực hiện nhằm nâng cao tính minh bạch và hiệu quả hoạt động của HKD trong bối cảnh chuyển đổi sang TKK

Thời gian qua, cơ quan thuế đã triển khai nhiều giải pháp thúc đẩy kê khai, mở rộng hóa đơn điện tử và tăng cường quản lý dữ liệu giao dịch đối với HKD. OECD (2023) cho rằng quá trình chuyển từ cơ chế thuế giản đơn sang kê khai thường gặp khó khăn khi yêu cầu tuân thủ tăng nhanh hơn khả năng thích ứng của doanh nghiệp nhỏ. Tương tự, Keen và Mintz (2004) nhấn mạnh sự cần thiết phải cân bằng giữa yêu cầu quản lý và khả năng thực hiện. Do đó, các giải pháp hỗ trợ cần được thiết kế theo hướng lấy HKD làm trung tâm, phù hợp với điều kiện thực tế và nhu cầu quản lý của họ.

5.1. Hoàn thiện công cụ và quy trình kê khai theo hướng đơn giản, dễ thực hiện và chi phí thấp

Giải pháp đầu tiên cần tập trung vào việc đơn giản hóa công cụ và quy trình kê khai theo hướng lấy HKD làm trung tâm. Khó khăn lớn của nhiều HKD, đặc biệt là hộ quy mô nhỏ, không phải là thiếu ý thức tuân thủ mà là thiếu kỹ năng ghi chép, sử dụng công nghệ và quản lý chứng từ. Vì vậy, cần phát triển các nền tảng tích hợp giữa bán hàng, thanh toán, hóa đơn điện tử và kê khai thuế. Khi giao dịch phát sinh, doanh thu được ghi nhận tự động, thông tin thanh toán được kết nối và hóa đơn được lập đồng thời, giúp giảm thao tác thủ công, hạn chế sai lệch dữ liệu và giảm chi phí tuân thủ.

Bên cạnh đó, cần chuẩn hóa các mẫu biểu ghi chép theo quy mô và đặc điểm của HKD. Không nên áp dụng yêu cầu quản lý tương tự doanh nghiệp cho mọi HKD. Đối với hộ nhỏ, nội dung ghi chép nên tập trung vào doanh thu, chi phí cơ bản, tiền thu, tiền chi và hóa đơn đầu vào, đầu ra; trong khi các hộ có quy mô lớn hơn có thể áp dụng mức độ ghi chép chi tiết hơn. Các công cụ hỗ trợ kê khai cần được thiết kế bằng ngôn ngữ đơn giản, gắn với các tình huống kinh doanh thực tế thay vì sử dụng quá nhiều thuật ngữ chuyên môn về thuế và kế toán.

5.2. Tăng cường hỗ trợ thực hành và nâng cao năng lực quản lý của HKD

Để hỗ trợ HKD thực hiện thuận lợi các yêu cầu mở sổ theo dõi và kế khai thuế, cần chuyển trọng tâm từ "giải thích quy định" sang "hướng dẫn thực hành". Theo đó, cơ quan thuế, chính quyền địa phương, hiệp hội ngành nghề và các đơn vị cung cấp dịch vụ kế toán, công nghệ cần phối hợp xây dựng các tài liệu hướng dẫn ngắn gọn, dễ hiểu, phù hợp với từng nhóm ngành nghề. Đồng thời, cần tổ chức các chương trình đào tạo thực hành trên phần mềm và ứng dụng thực tế, giúp HKD từng bước hình thành kỹ năng lập hóa đơn, quản lý chứng từ và kê khai thuế.

Bên cạnh đó, cần nâng cao nhận thức của HKD về lợi ích của việc ghi chép và minh bạch thông tin. Khi doanh thu, chi phí và dòng tiền được ghi nhận đầy đủ, HKD không chỉ giảm rủi ro thuế mà còn có cơ sở kiểm soát hoạt động, đánh giá hiệu quả kinh doanh, tiếp cận tín dụng và mở rộng quy mô. Đây là điều kiện quan trọng để chuyển hành vi tuân thủ từ bị động sang chủ động.

5.3. Hoàn thiện chính sách thuế theo hướng ổn định, công bằng và khuyến khích chuyển đổi

Tính ổn định và hợp lý của chính sách thuế có ảnh hưởng lớn đến mức độ tuân thủ của HKD. Nếu việc chuyển từ thuế khoán sang kê khai làm gia tăng đột ngột nghĩa vụ thuế, chi phí tuân thủ hoặc rủi ro xử phạt, HKD có thể có tâm lý né tránh hoặc thực hiện không đầy đủ. Vì vậy, chính sách thuế cần được thiết kế theo hướng công bằng, minh bạch và có lộ trình phù hợp theo hướng:

Một là. cần bảo đảm sự công bằng giữa các HKD có quy mô và điều kiện kinh doanh tương tự. Các chính sách miễn giảm thuế hoặc mức thuế cần nghiênn cứu phù hợp với từng lĩnh vực kinh doanh, tránh cào bằng ở mức thuế hoặc mức miễn giảm chung cho tất cả các ngành nghề, lĩnh vực kinh doanh.

Hai là, cần có cơ chế chuyển tiếp hợp lý đối với các hộ lần đầu áp dụng kê khai. Trong giai đoạn đầu, trọng tâm nên là hỗ trợ, hướng dẫn và khắc phục sai sót trước khi áp dụng các biện pháp xử lý nghiêm, qua đó giúp HKD thích ứng và hình thành năng lực tuân thủ.

Ba là, chính sách thuế cần gắn với mục tiêu phát triển khu vực kinh doanh chính thức. Minh bạch hóa thông tin không chỉ phục vụ quản lý thuế mà còn giúp HKD nâng cao năng lực quản trị, tiếp cận vốn và mở rộng hoạt động. Một chính sách ổn định, dễ hiểu và có lộ trình phù hợp sẽ tạo động lực để HKD chủ động chuyển đổi và phát triển bền vững.

5.4. Tăng cường kết nối dữ liệu và ứng dụng công nghệ số

Trong bối cảnh quản lý thuế dựa trên dữ liệu, việc chuyển sang thuế kê khai cần gắn với xây dựng hệ thống dữ liệu đáng tin cậy về hoạt động của HKD. Cơ quan thuế cần từng bước kết nối dữ liệu từ hóa đơn điện tử, thanh toán, sàn thương mại điện tử và các nền tảng bán hàng nhằm nâng cao hiệu quả phân tích rủi ro, giảm kiểm tra dàn trải và tập trung vào các trường hợp có dấu hiệu bất thường.

Bên cạnh đó, cần khuyến khích phát triển các ứng dụng quản lý đơn giản, tích hợp chức năng lập hóa đơn, theo dõi doanh thu, chi phí, công nợ, hàng tồn kho và ước tính nghĩa vụ thuế. Khi công nghệ không chỉ phục vụ quản lý thuế mà còn hỗ trợ quản trị hoạt động, HKD sẽ có động lực sử dụng thường xuyên hơn, qua đó nâng cao tính minh bạch và hiệu quả kinh doanh.

5.5. Phân loại HKD để có giải pháp hỗ trợ và quản lý phù hợp

HKD không phải là một nhóm đồng nhất. Có HKD rất nhỏ, hoạt động mang tính sinh kế; có HKD quy mô lớn, doanh thu cao, tổ chức hoạt động tương tự doanh nghiệp; có HKD truyền thống tại chợ, cửa hàng; cũng có HKD trên nền tảng số, thương mại điện tử. Vì vậy, nếu áp dụng cùng một yêu cầu kê khai, cùng một quy trình hỗ trợ và cùng một mức độ kiểm soát cho tất cả các hộ sẽ khó đạt hiệu quả. Cần phân loại HKD theo quy mô doanh thu, ngành nghề, phương thức bán hàng, mức độ sử dụng công nghệ và mức độ rủi ro thuế. Đối với hộ nhỏ, chính sách nên ưu tiên đơn giản hóa, hỗ trợ ghi chép tối thiểu và giảm chi phí tuân thủ. Đối với hộ có doanh thu lớn, giao dịch thường xuyên, có nhân công, có địa điểm kinh doanh ổn định hoặc hoạt động trên nền tảng số, yêu cầu kê khai, hóa đơn và lưu trữ chứng từ cần được đặt ra đầy đủ hơn. Đối với nhóm hộ có rủi ro cao, cơ quan thuế có thể tăng cường đối chiếu dữ liệu và kiểm tra có trọng điểm.

5.6. Lộ trình thực hiện chuyển đổi

Để đảm bảo tính khả thi, việc chuyển đổi cần được triển khai theo lộ trình phù hợp:

Giai đoạn ngắn hạn (1-2 năm): Tập trung hoàn thiện công cụ, đơn giản hóa quy trình và tăng cường hỗ trợ thực hành. Giai đoạn này cần ưu tiên giúp HKD làm quen với việc lập hóa đơn và ghi nhận giao dịch, thay vì kiểm soát chặt chẽ ngay từ đầu.

Giai đoạn trung hạn (3-5 năm): Nâng cao chất lượng kê khai, tăng cường sử dụng dữ liệu trong quản lý và hỗ trợ kinh doanh. Đồng thời, từng bước điều chỉnh chính sách thuế theo hướng ổn định và công bằng hơn.

Giai đoạn dài hạn: Hình thành hệ sinh thái kinh doanh dựa trên dữ liệu, trong đó việc ghi nhận và minh bạch thông tin trở thành một phần tự nhiên của hoạt động. Khi đó, kê khai không còn là nghĩa vụ riêng biệt, mà là công cụ quản lý hiệu quả.

Như vậy, để chuyển đổi từ thuế khoán sang kê khai thực sự mang lại hiệu quả, cần có cách tiếp cận toàn diện và phù hợp với thực tiễn. Các giải pháp không chỉ dừng ở việc hoàn thiện chính sách, mà phải giúp HKD có thể thực hiện, thích ứng và khai thác lợi ích từ minh bạch thông tin. Khi đó, mục tiêu nâng cao hiệu quả hoạt động của HKD mới có thể đạt được một cách bền vững.

Kết luận

Chuyển đổi từ thuế khoán sang kê khai phản ánh sự thay đổi căn bản từ quản lý dựa trên ước tính sang quản lý dựa trên dữ liệu giao dịch thực tế. Giá trị cốt lõi của chuyển đổi này không chỉ nằm ở việc xác định nghĩa vụ thuế chính xác hơn, mà ở việc thúc đẩy HKD hình thành thói quen ghi nhận và sử dụng thông tin trong hoạt động. Khi thông tin về doanh thu, chi phí và dòng tiền được minh bạch hóa, HKD có điều kiện kiểm soát hoạt động và nâng cao hiệu quả kinh doanh. Tuy nhiên, lợi ích này chỉ đạt được khi yêu cầu kê khai phù hợp với năng lực thực hiện, chi phí tuân thủ hợp lý và hệ thống hỗ trợ đủ đơn giản, dễ tiếp cận. Thực tiễn cho thấy nếu chính sách chưa ổn định hoặc công cụ triển khai chưa đồng bộ, kê khai có thể trở thành gánh nặng hơn là động lực cải thiện hoạt động. Vì vậy, cần tiếp tục hoàn thiện chính sách theo hướng linh hoạt, phù hợp với từng nhóm HKD và gắn minh bạch với lợi ích kinh tế cụ thể. Khi đó, kê khai không chỉ là nghĩa vụ, mà trở thành nền tảng cho quản lý hiệu quả và phát triển bền vững của HKD./.

Tài liệu tham khảo:

Alm, J. (2019). What motivates tax compliance? Journal of Economic Surveys, 33(2), 353-388.

Joshi, A., Prichard, W., & Heady, C. (2014). Taxing the informal economy: The current state of knowledge and agendas for future research. Journal of Development Studies, 50(10), 1325-1347.

Slemrod, J. (2007). Cheating ourselves: The economics of tax evasion. Journal of Economic Perspectives, 21(1), 25-48.

Keen, M., & Mintz, J. (2004). The optimal threshold for a value-added tax. Journal of Public Economics, 88(3-4), 559-576.

Organisation for Economic Co-operation and Development (OECD). (2021). Tax Administration 2021: Comparative Information on OECD and Other Advanced and Emerging Economies. OECD Publishing.

Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. (2019). Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14. Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia Sự thật.

Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. (2025). Nghị quyết số 198/2025/QH15 về một số cơ chế, chính sách đặc biệt phát triển kinh tế tư nhân.

Bộ Tài chính. (2025). Quyết định số 3389/QĐ-BTC phê duyệt Đề án chuyển đổi mô hình và phương pháp quản lý thuế đối với HKD khi bãi bỏ thuế khoán.

Lê Xuân Trường. (2021). Quản lý thuế. Nhà xuất bản Tài chính.

Nguyễn Thị Liên. (2019). Giáo trình Thuế. Nhà xuất bản Tài chính.